

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HSST
Ngày 15/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Anh
2. Ông Nguyễn Như Tạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'lấp tham gia phiên tòa:
Ông Phan Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019 tại phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắc Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Võ Công T, sinh ngày: 15/12/1988 tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: Đội 7, thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Ngãi; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 01/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Bùi Văn K (đã chết); con bà Võ Thị C, sinh năm 1950; nơi cư trú: Đội 7, thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Ngãi; tiền án, tiền sự: không; về nhân thân: Ngày 18/8/2014, bị Tòa án nhân dân huyện D xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 60/2014/HSST. Bị cáo chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đến ngày 20/4/2015 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và án phí nên đã được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giam ngày 26/11/2018, đang bị tạm giam – Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1968 – Vắng mặt.

Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1981 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 7, xã F, huyện G, tỉnh Đắk Nông

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp H, xã I, huyện J, tỉnh Long An – Vắng mặt.

- Anh Phan Hồng D, sinh năm 1987 và chị Trần Thị H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn 8, xã K, huyện G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/11/2018, Võ Công T được vợ chồng anh Đặng Văn T và chị Hoàng Thị M thuê về sấy cà phê cho gia đình mình tại thôn 7, xã F, huyện G. Võ Công T được anh T, chị M sắp xếp ăn, ở trong nhà cùng với những người làm thuê khác. Quá trình làm việc tại đây, lợi dụng sự sơ hở của anh T, chị M trong việc bảo quản tài sản, Võ Công T đã 03 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt cà phê nhân xô (cà phê đã sấy khô và xay bóc vỏ) của anh T, chị M bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Cụ thể:

Lần 01: Khoảng 21h00 ngày 14/11/2018, thấy những người làm thuê cho anh T, chị M đã ngủ, Võ Công T đi đến kho chứa cà phê rồi vác 01 bao cà phê nhân xô đưa ra ngoài đường, sau đó Võ Công T quay lại nơi Trần Văn Đ (là người hái cà phê cho anh T, chị M) đang ngủ và nói Đ cho mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Drin, biển kiểm soát 63F7-7265 để đi uống cà phê. Võ Công T chở bao cà phê đến thôn 8, xã K thì thấy có một đại lý thu mua cà phê (do anh Phan Hồng D và chị Trần Thị H làm chủ) nên đi vào hỏi và bán được 38 kg được số tiền 1.280.000 đồng. Võ Công T nhận tiền rồi quay về kho ngủ.

Lần 02: Khoảng 20h00 ngày 19/11/2018, Võ Công T nói Đ cho Võ Công T mượn xe mô tô để đi uống cà phê, Đ đồng ý và giao xe cho Võ Công T. Đến khoảng 22h00 cùng ngày, khi những người làm thuê đã ngủ, Võ Công T đi đến khu vực để cà phê nhân xô vác 01 bao đưa ra ngoài đường rồi dùng xe mô tô mượn của Đạt chở đến bán cho đại lý thu mua cà phê của anh D, chị H. Anh D cân bao cà phê được 60kg và trả cho Võ Công T số tiền 2.030.000 đồng. Võ Công T nhận tiền rồi quay về kho ngủ.

Lần 03: Khoảng 20h00 ngày 24/11/2018, Võ Công T tiếp tục nói Đ cho Võ Công T mượn xe để đi uống cà phê thì Đ đồng ý. Đến khoảng 22h00 cùng ngày, khi những người làm thuê đã ngủ, Võ Công T tiếp tục đi đến khu vực để cà phê nhân xô để lấy trộm. Lúc này, do phát hiện nhà kho có gắn camera theo dõi nên trước khi thực hiện, Võ Công T đã rút dây kết nối của camera, sau đó vác 01 bao cà phê đưa ra ngoài đường rồi quay lại cắm dây kết nối vào camera. Võ Công T tiếp

tục chở bao cà phê đến bán cho đại lý thu mua của anh D, chị H. Tại đây, anh D cân bao cà phê được 57 kg và trả cho Võ Công T số tiền 2.000.000 đồng. Võ Công T nhận tiền rồi quay về nhà kho ngủ.

Ngày 25/11/2018, anh T và chị M xem lại camera thì phát hiện bị mất trộm tài sản nên đã trình báo cơ quan công an. Biết hành vi của mình sẽ bị phát hiện nên ngày 26/11/2018, Võ Công T đến Công an xã F đầu thú và khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 29/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện G kết luận: Giá trị của 38 kg cà phê nhân xô bị chiếm đoạt ngày 14/11/2018 là 1.356.600 đồng. Giá trị của 60 kg cà phê nhân xô bị chiếm đoạt ngày 19/11/2018 là 2.136.000 đồng. Giá trị của 57 kg cà phê nhân xô bị chiếm đoạt ngày 24/11/2018 là 1.995.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 5.487.600 đồng.

Tại Cáo trạng số: 10/CT – VKS - ĐL ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp quyết định truy tố bị cáo Võ Công T về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng và thừa nhận Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng, không oan.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Sau khi xem xét các chứng cứ buộc tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Võ Công T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt Võ Công T từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đắk R'Lấp trả lại 155 kg cà phê nhân xô cho chủ sở hữu là anh Đặng Văn T và chị Hoàng Thị M theo Quyết định xử lý vật chứng số 04 ngày 10/01/2019 và chấp nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp đã ra quyết định xử lý vật chứng số 01/QĐ-VKS ngày 28/01/2019 trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Drin, biển kiểm soát 63F7-7265 cho chủ sở hữu là anh Trần Văn Đ.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584 của Bộ luật dân sự:

Anh Đặng Văn T và chị Hoàng Thị M đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Anh Phan Hồng D và chị Trần Thị H yêu cầu bị cáo phải

bồi thường số tiền 5.310.000 đồng. Đề nghị HĐXX buộc bị cáo bồi thường cho anh D, chị H số tiền 5.310.000 đồng.

Trong vụ án còn có anh Trần Văn Đ là người cho bị cáo mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 63F7-7265 sử dụng làm phương tiện phạm tội, và anh Phan Hồng D, chị Trần Thị H là người mua cà phê do bị cáo phạm tội mà có. Tuy nhiên, anh Đ, anh D và chị H không biết việc phạm tội của bị cáo nên hành vi của anh Đ, anh D và chị H không cấu thành tội phạm, do đó không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Đắk R'Lấp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Võ Công T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã công bố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện bị cáo Võ Công T đã 03 lần thực hiện trộm cắp tài sản của anh Đặng Văn T và chị Hoàng Thị M tại thôn 7, xã F, huyện G, tỉnh Đắk Nông. Cụ thể:

Lần 01: Ngày 14/11/2018, lấy 38 kg cà phê nhân xô, trị giá 1.356.600đồng.

Lần 02: Ngày 19/11/2018, lấy 60 kg cà phê nhân xô, trị giá 2.136.000đồng.

Lần 03: Ngày 24/11/2018, lấy 57 kg cà phê nhân xô, trị giá 1.995.000đồng

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 5.487.600 đồng, bị cáo bán cho đại lý thu mua nông sản do anh Phan Hồng D và chị Trần Thị H làm chủ tại thôn 8, xã K, huyện G được số tiền 5.310.000 đồng và đã sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

Do vậy có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Võ Công T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm:

... ”.

Xét tính chất vụ án do bị cáo gây ra là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của anh Đặng Văn T và chị Hoàng Thị M, gây ảnh hưởng xấu đến nền trật tự trị an ở địa phương. Hành vi của bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật, xem nhẹ quyền sở hữu về tài sản của người khác. Mặt khác bị cáo có nhân thân xấu, đã từng phạm tội nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy đối với bị cáo cần phải áp dụng một hình phạt đủ nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[2]. *Về tình tiết định khung hình phạt:*

Hành vi của bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ bị xét xử ở khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3]. *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:*

Xét thấy, sau khi phạm tội bị cáo đã khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã đến cơ quan Công an đầu thú, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Từ những tình tiết giảm nhẹ nêu trên Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4]. *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại là anh Đặng Văn T và chị Hoàng Thị M không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đề cập giải quyết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phan Hồng D và chị Trần Thị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 5.310.000 đồng, cho đến nay bị cáo chưa bồi thường số tiền này, vì vậy cần buộc bị cáo bồi thường số tiền 5.310.000 đồng cho anh D, chị H là phù hợp.

[5]. *Về vật chứng vụ án:* Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đắk R’Lấp đã trả lại 155 kg cà phê nhân xô cho chủ sở hữu là anh Đặng Văn T và chị Hoàng Thị M theo Quyết định xử lý vật chứng số 04 ngày 10/01/2019 và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R’lấp đã ra quyết định xử lý vật chứng số 01/QĐ-VKS ngày

28/01/2019 trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Drin, biển kiểm soát 63F7-7265 cho chủ sở hữu là anh Trần Văn Đ là phù hợp nên cần chấp nhận.

[6]. *Về án phí*: Bị cáo Võ Công T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đối với anh Trần Văn Đ là người cho bị cáo mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 63F7-7265 sử dụng làm phương tiện phạm tội, và anh Phan Hồng D, chị Trần Thị H là người mua cà phê do bị cáo phạm tội mà có. Tuy nhiên, anh Đ, anh D và chị H không biết việc phạm tội của bị cáo nên hành vi của anh Đ, anh D và chị H không cấu thành tội phạm, do đó không đề cập xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Võ Công T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Võ Công T 01 (Một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 26/11/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự khoản 2 Điều 468; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 của Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 5.310.000 đồng cho anh Phan Hồng D và chị Trần Thị H.

Kể từ ngày anh Phan Hồng D và chị Trần Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Võ Công T không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho anh D và chị H theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đắk R’Lấp trả lại 155 kg cà phê nhân xô cho chủ sở hữu là anh Đặng Văn T và chị Hoàng Thị M theo Quyết định xử lý vật chứng số 04 ngày 10/01/2019 và chấp nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R’lấp đã ra quyết định xử lý vật chứng số 01/QĐ-VKS ngày 28/01/2019 trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Drin, biển kiểm soát 63F7-7265 cho chủ sở hữu là anh Trần Văn Đ.

4. Về án phí: Căn cứ theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Võ Công T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Công an huyện Đắk R'Lấp;
- CC. THADS huyện G;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS; VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Anh